

# PHÁT TRIỂN CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

Nguyễn Hồ Lam, Đinh Xuân Đức,  
Bùi Xuân Tín, Nguyễn Hữu Trung,  
Trần Thị Phương Nhung, Trần Minh Quang,\*  
Nguyễn Hữu Ngữ\*\*

## 1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây ngành cà phê Việt Nam đã phát triển vượt bậc cả về chất lượng lẫn số lượng. Khối lượng cà phê xuất khẩu liên tục tăng, góp phần đưa Việt Nam lên vị trí thứ 2 thế giới về xuất khẩu, sau Brazil (Thanh Châu, 2008). Năm 2007 đánh dấu một mốc son quan trọng cho ngành xuất khẩu cà phê Việt Nam, khối lượng xuất khẩu đạt hơn 1 triệu tấn (1.229.000 tấn), kim ngạch đạt gần 2 tỷ USD, sản phẩm cà phê Robusta của Việt Nam ngày càng được ưa thích trên thế giới (Đức Thu, 2008). Thành quả này là sự cố gắng lớn của ngành cà phê Việt Nam.

Hiện nay ngành cà phê đang đứng trước nhiều thuận lợi như Việt Nam gia nhập WTO năm 2007 đã mang lại cơ hội vàng hiếm có để mở rộng thị trường tiêu thụ với kim ngạch nhập khẩu cà phê của nhiều nước trên thế giới trị giá hàng chục tỷ USD/năm (13,647 tỷ USD năm 2007) (FAOSTAT, 2010). Tuy nhiên, giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam còn thấp bởi chúng ta còn thiếu mối liên kết giữa các khâu từ sản xuất, thu hoạch, chế biến đến tiêu thụ (Tuyết Yến, 2009).

Làm gì để gia tăng giá trị, nâng cao sức cạnh tranh cho ngành cà phê Việt Nam là vấn đề khiến nhiều chuyên gia cà phê của Việt Nam trăn trở.

Mục đích của bài viết này là giúp chúng ta có cái nhìn tổng quát hiện trạng phát triển ngành cà phê Việt Nam cũng như ngành cà phê thế giới hiện nay. Từ đó có những phương hướng khắc phục khó khăn và phát triển đúng đắn cho ngành cà phê Việt Nam trong thời gian tới.

- *Đối tượng nghiên cứu*: Ngành sản xuất cà phê Việt Nam và một số nước sản xuất cà phê chính trên thế giới.

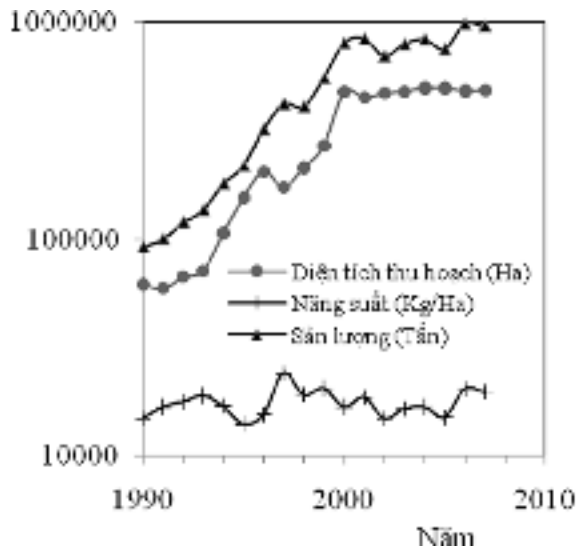
- *Phương pháp nghiên cứu*: Bài viết được tiến hành dựa trên sự thu thập các thông tin thứ cấp đã được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, sách, báo và sau đó được tổng hợp, phân tích và xử lý.

\* Khoa Nông học, Trường Đại học Nông lâm Huế.

\*\* Khoa Tài nguyên Đất và Môi trường Nông nghiệp, Trường Đại học Nông lâm Huế.

## 2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 2.1. Tình hình phát triển cây cà phê Việt Nam trong những năm gần đây



Biểu đồ 1: Tình hình phát triển cà phê Việt Nam từ năm 1990-2007 (FAOSTAT, 2010).

Cà phê được đánh giá là một trong những loại cây trồng chủ đạo của nền nông nghiệp Việt Nam, đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển kinh tế-xã hội. Cây cà phê đầu tiên được đưa vào Việt Nam vào khoảng những năm 70 của thế kỷ 19, mãi đến đầu thế kỷ 20 mới được phát triển trồng ở một số đồn điền của người Pháp. Năm 1930, ở Việt Nam mới chỉ có 5.900ha (Phan Quốc Sùng, 2000). Nhưng chỉ trong vòng 15-20 năm qua, ngành cà phê nước ta đã có những bước phát triển nhanh vượt bậc cả về diện tích, năng suất và sản lượng.

Trong gần 20 năm qua, chúng ta đã đưa sản lượng cà phê cả nước tăng lên hàng trăm lần, đặc biệt là trong giai đoạn từ năm 1991 đến năm 2000, diện tích tăng từ 61.875ha tới 476.900ha (Biểu đồ 1). Như vậy, chỉ trong vòng gần 10 năm mà diện tích cà phê đã tăng 415.025ha (gần 800%) (FAOSTAT, 2010).

Từ năm 2001 cho đến 2007, do một số yếu tố tác động như sâu hại, dịch bệnh và đặc biệt là giá cả xuống thấp, đã làm giảm sự mở rộng diện tích cà phê. Đến năm 2007 diện tích cà phê tăng nhẹ so với năm 2000, đạt gần 500.000ha (FAOSTAT, 2010).

Tương ứng với diện tích, sản lượng cà phê cũng tăng liên tục từ năm 1990 đến năm 2001, đạt từ 92.000 tấn đến 840.600 tấn, đến năm 2007 sản lượng đạt 961.200 tấn. Sự tăng trưởng về diện tích cũng như năng suất đã góp phần đưa sản lượng cà phê Việt Nam thành một trong bốn nước sản xuất cà phê có sản lượng cao nhất trên thế giới.

Cà phê là một trong những loại cây trồng khá mẫn cảm với điều kiện thời tiết và sâu bệnh, do vậy năng suất thường không ổn định qua các năm. Tuy nhiên, so với mức năng suất bình quân chung của thế giới (8.470 kg/ha, năm 2008) thì năng suất cà phê Việt Nam vẫn thuộc loại cao (19.886kg/ha, năm 2008) (FAOSTAT, 2010).

Diện tích gieo trồng, năng suất và sản lượng cà phê phân theo địa phương trong những năm gần đây được trình bày ở Bảng 1 (chỉ các tỉnh có diện tích lớn hơn 1.000ha được trình bày).

*Bảng 1: Diện tích gieo trồng, năng suất và sản lượng cà phê phân theo địa phương trong những năm gần đây.*

TT	Tỉnh	2004			2005			2006			2007		
		Diện tích (1000 ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (1000 tấn)	Diện tích (1000 ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (1000 tấn)	Diện tích (1000 ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (1000 tấn)	Diện tích (1000 ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (1000 tấn)
1	Sơn La	2,72	8,0	1,8	2,8	9,0	2,3	2,6	13,9	3,2	3,1	14,2	3,4
2	Nghệ An	2,55	10,0	1,1	2,5	10,0	1,2	1,9	13,3	1,6	1,9	14,2	1,7
3	Quảng Trị	3,73	18,0	5,1	3,8	19,0	6,2	4,0	10,3	3,5	4,1	18,9	6,6
4	Phú Yên	1,65	11,0	1,3	1,0	9,0	0,8	1,0	12,9	0,9	1,0	11,3	0,9
5	Kon Tum	11,51	17,0	18,9	10,6	13,0	14,3	9,8	20,2	19,8	9,7	17,4	16,9
6	Gia Lai	76,06	15,0	114,4	75,9	15,0	110,2	75,9	15,9	120,6	76,1	16,6	125,4
7	Đắk Lắk	166,43	19,0	308,4	167,0	16,0	266,3	174,7	25,8	435,0	178,2	21,2	363,0
8	Đắk Nông	66,53	18,0	121,1	67,1	16,0	104,8	70,2	15,6	108,6	70,8	17,4	119,1
9	Lâm Đồng	117,22	18,0	105,1	117,5	18,0	211,0	118,8	21,1	244,2	123,4	23,1	273,4
10	Bình Phước	13,57	10,0	12,4	10,4	11,0	10,2	10,3	11,3	10,8	10,4	11,9	12,0
11	Đồng Nai	23,43	13,0	28,2	20,3	13,0	16,2	16,9	14,1	23,1	16,8	14,5	23,4
12	Bình Thuận	1,66	12,0	1,5	1,2	11,0	1,2	1,4	13,6	1,5	1,4	13,6	1,5
13	Bà Rịa-Vũng Tàu	9,09	13,0	10,7	8,0	14,0	10,5	7,2	14,1	9,9	7,2	15,9	11,1

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD), 2010.

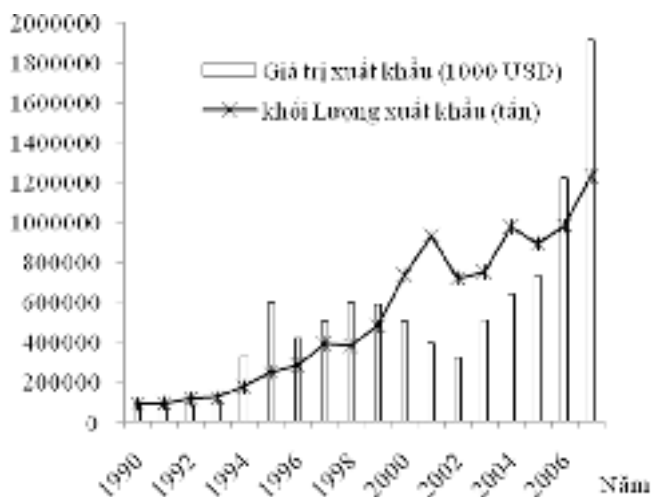
Số liệu ở Bảng 1 phản ánh sự phân bố diện tích cà phê không đồng đều giữa các vùng miền trong cả nước. 5 tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng) là những tỉnh có diện tích, năng suất và sản lượng lớn nhất cả nước, đến năm 2007, chỉ riêng 5 tỉnh này đã chiếm gần 90% tổng diện tích (458.200ha), gần 94% tổng sản lượng (897.800 tấn) (MARD, 2010). Ngoài ra, ở một số tỉnh như Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa-Vũng Tàu và một số vùng của tỉnh Quảng Trị như Lao Bảo, Khe Sanh có diện tích cà phê khá lớn. Sở dĩ những vùng này có diện tích, năng suất cao là do có chế độ khí hậu phân biệt rõ rệt giữa 2 mùa (mùa mưa và mùa khô) và có diện tích đất đỏ bazan lớn.

### **2.2. Tình hình phát triển cà phê Việt Nam so với một số nước trên thế giới**

Theo số liệu thống kê của Tổ chức Lương thực thế giới (FAOSTAT, 2010), từ năm 2002 diện tích thu hoạch cà phê của Việt Nam đứng ở vị trí thứ 5 sau Brazil, Indonesia, Colombia và Mexico. Tuy nhiên, về năng suất cà phê tươi/ha thì Việt Nam đứng thứ nhất với năng suất từ 14.882-24.111kg/ha. So với các nước sản xuất khác trên thế giới thì năng suất cà phê Việt Nam cao hơn hẳn, đó là nhờ việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh như chọn giống, bón phân, tưới nước, kỹ thuật tạo tán và có điều kiện khí hậu, đất đai thuận lợi nên năng suất và sản lượng cà phê tăng mạnh. Trong khi đó năng suất ở các nước khác hầu hết dưới 10.000kg/ha.

Mặc dù năng suất không cao so với Việt Nam, nhưng do diện tích thu hoạch của Brazil lại lớn hơn rất nhiều so với các nước còn lại, điều đó đã làm cho Brazil trở thành nước có sản lượng cà phê lớn nhất trên thế giới, năm 2008 đạt 2.790.858 tấn. Đối với Việt Nam, tuy diện tích không lớn, nhưng nhờ có sự vượt trội về năng suất đã đem lại vị trí thứ 2 về sản lượng cho Việt Nam trên thế giới từ năm 2000. Xếp vị trí thứ 3 và thứ 4 lần lượt là Colombia và Indonesia.

### 2.3. Khối lượng xuất khẩu và giá trị thương mại cà phê Việt Nam



Biểu đồ 2: Khối lượng xuất khẩu và giá trị thương mại cà phê Việt Nam từ năm 1990-2007 (Faostat, 2010).

Trong giai đoạn 1990-2001 khối lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam tăng lên mạnh mẽ qua các năm, chỉ trong 10 năm khối lượng xuất khẩu đã tăng lên gần 10,5 lần, đạt từ 89.583 tấn (năm 1990) lên đến 931.198 tấn (năm 2001). Tuy nhiên giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2006 khối lượng xuất khẩu hầu như không tăng. Trong giai đoạn này có sự sụt giảm đáng kể vào năm 2002 và 2003. Năm 2007 đánh dấu một mốc son quan trọng cho ngành xuất

khẩu cà phê Việt Nam, với việc mở rộng thị trường xuất khẩu, khối lượng xuất khẩu cà phê đạt hơn 1 triệu tấn (1.229.000 tấn), kim ngạch xuất khẩu đạt gần 2 tỷ USD.

Do giá cả không ổn định qua các năm, nên nguồn thu ngoại tệ từ xuất khẩu cà phê cũng biến động khá lớn. Giai đoạn từ năm 1990 đến năm 1993, nguồn thu ngoại tệ đạt trên dưới 90 triệu USD. Giai đoạn từ năm 1994 đến năm 2002, nguồn thu ngoại tệ trung bình đạt 470 triệu USD/năm. Tuy nhiên chỉ 5 năm sau, khối lượng xuất khẩu đã đạt 1.229.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu đã đạt gần 2 tỷ USD/năm (năm 2007), tăng gần 5 lần so với năm 2002, tăng hơn 20 lần nếu so sánh với những năm 1990. Lý do làm cho giá trị xuất khẩu cà phê tăng cao trong giai đoạn 2003-2007 là do năng suất và sản lượng thu hoạch một số nước sản xuất cà phê lớn như Brazil, Indonesia, Mexico giảm mạnh, đặc biệt là Brazil, sản lượng giảm từ 5-7 triệu tấn/năm trong giai đoạn này. Nguồn cung thiếu hụt nên giá cà phê trên thị trường thế giới tăng mạnh. Mặt khác trong khi đó Việt Nam vẫn duy trì được diện tích thu hoạch, năng suất/ha ổn định, sản lượng xuất khẩu tăng. Những yếu tố đó đã làm cho giá trị xuất khẩu cà phê Việt Nam tăng lên nhanh chóng trong giai đoạn này.

Giá tăng đã giúp cà phê lọt vào câu lạc bộ những mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD. Xuất khẩu cà phê hiện tại chiếm khoảng 13% tổng giá trị xuất khẩu nông sản Việt Nam. Năm 2007, Việt Nam trở thành nước xuất khẩu cà phê với lớn nhất thế giới, chiếm tới 43% thị phần cà phê loại này trên toàn cầu (Hà Yên, 2008).

#### **2.4. Thách thức và thuận lợi đối với ngành cà phê Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và những năm tới**

##### **2.4.1. Thế mạnh, thuận lợi của cà phê Việt Nam**

Điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của Việt Nam rất thuận lợi cho việc phát triển cây cà phê, đặc biệt là vùng đất đỏ bazan ở khu vực Tây Nguyên với 1,36 triệu ha chiếm 66% diện tích đất đỏ bazan toàn quốc (Nguyễn Xuân Đức, 2009). Sự thuận lợi trong giao thông đường biển cũng tạo ra lợi thế so sánh không nhỏ cho cà phê Việt Nam khi tham gia vào chuỗi cung vận toàn cầu. Tuy nhiên, lợi thế chính của chúng ta hiện nay là có khối lượng xuất khẩu cà phê Robusta (cà phê vối) lớn nhất thế giới (800.000 tấn/năm) (VNN, 2006), với giá thành sản xuất thấp nhất thế giới (18.000đồng/kg tương đương 1USD) (Nguyễn Thịnh, 2009; VICOFA, 2009). Mặt khác cà phê Robusta ngày càng được ưa chuộng trên thế giới, bởi vì loại cà phê này có hàm lượng cafeine (từ 2,5-3,0%) cao hơn cà phê Arabica (từ 1,8-2,0%) (Nguyễn Minh Hiếu *et al.*, 2006). Cà phê Robusta có khả năng tạo bọt và tạo thêm lớp bọt kem trên bề mặt của cà phê espresso. Đây cũng là nguyên nhân khiến các nhà rang xay chỉ ưa chuộng loại cà phê này cho các nhãn hiệu của họ trong việc đáp ứng khẩu vị của các khách hàng khác nhau ở khắp nơi trên thế giới (VICOFA, 2009).

Việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007 đã mang lại cho ngành cà phê Việt Nam cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ với kim ngạch nhập khẩu cà phê của nhiều nước trên thế giới hàng năm trị giá đến hàng chục tỷ đôla (13,647 tỷ USD năm 2007) (FAOSTAT, 2010). Đây thực sự là một cơ hội vàng đối với một quốc gia có diện tích trồng cà phê trên 500.000ha như nước ta.

##### **2.4.2. Thách thức đối với ngành cà phê trong thời gian tới**

*- Nhiều diện tích cà phê đã chuyển sang giai đoạn già cỗi, phát triển không theo quy hoạch*

Theo số liệu thống kê của Hiệp hội Cà phê-Cao Việt Nam (VICOFA, 2010), hiện nay nước ta có số gần 500.000ha cà phê, nhưng trong số đó chỉ có khoảng 274.000ha (54,8%) được trồng trong giai đoạn sau năm 1993, lớp cà phê này hiện nay trong độ tuổi 10-15 năm. Đây là số diện tích cà phê đang ở giai đoạn sung sức và cho năng suất cao nhất. Vì vậy trong những năm tới, sản lượng cà phê Việt Nam phụ thuộc vào diện tích cà phê này. Trong khi đó số diện tích cà phê còn lại có 139.600ha, chiếm 27,9% được trồng trong giai

đoạn từ 1988-1993, đến nay ở tuổi từ 15-20 năm, phần lớn diện tích này đã bắt đầu chuyển sang giai đoạn già cỗi và cho năng suất giảm dần. Số diện tích cà phê trồng từ trước năm 1988 đến nay đã trên 20 năm tuổi có tới 86.400ha chiếm 17,3%. Những diện tích này đã già cỗi và không còn khai thác có hiệu quả nên cần được thay thế (Hồ Khánh Thiện, 2008). Như vậy trong 5-10 năm tới, sẽ có trên 50% diện tích cà phê hết thời kỳ kinh doanh, cùng với diện tích già cỗi tăng lên thì tổng sản lượng cà phê cả nước sẽ giảm xuống, không còn có khả năng duy trì con số xuất khẩu hơn 1 triệu tấn hiện nay.

Mặc dù một số năm gần đây do giá cả tăng cao, số diện tích cà phê trồng mới được tăng lên đáng kể, có năm tới gần 30.000ha, nhưng hầu hết những diện tích trồng mới này không nằm trong vùng quy hoạch, chủ yếu là được trồng trên những nơi không thích hợp như tầng đất nông, độ dốc lớn, nơi thiếu nguồn nước tưới... và không ít trong số đó là đất rừng. Số diện tích trồng mới này không những không đủ bù đắp phần sản lượng thiếu hụt của những diện tích cà phê già cỗi phải thanh lý mà còn đe dọa trực tiếp đến tính bền vững của những diện tích cà phê còn lại do môi trường bị hủy hoại, trong đó đặc biệt là nguồn nước tưới. Thực tế trong những năm qua đã có hàng chục ngàn hecta cà phê bị bệnh không có khả năng phục hồi phải thanh lý và nhiều diện tích cà phê già cỗi sau khi thanh lý cũng không có khả năng trồng lại được cà phê (*Thông tin thương mại Việt Nam*, 2009)

*- Thiếu hụt lao động, chi phí sản xuất ngày một tăng cao*

Quá trình canh tác, chăm sóc và thu hoạch cây cà phê đòi hỏi nhiều công lao động. Trung bình 1ha cà phê cần từ 300-400 công lao động/năm, trong đó riêng công thu hái chiếm trên 50%. Do mang tính chất thời vụ rất khắt khe, thời gian thu hái cà phê rất ngắn chỉ khoảng 2 tháng (Nguyễn Minh Hiếu *et al.*, 2006). Trong khoảng thời gian này, số công lao động rất lớn chiếm trên 50% tổng số công trong năm đã làm cho tình trạng thiếu hụt lao động càng trở nên trầm trọng.

Do quá trình công nghiệp hóa, bộ phận lực lượng lao động thanh niên trẻ, khỏe từ các vùng trồng cà phê tập trung về các thành phố, khu công nghiệp làm cho lực lượng lao động trong ngành cà phê ngày càng thiếu hụt trầm trọng. Như vậy có thể thấy trước rằng trong những năm tới việc thiếu hụt lao động sẽ là một áp lực nặng nề cho người trồng cà phê và chi phí công lao động sẽ ngày càng chiếm một tỷ lệ lớn trong các khoản chi phí sản xuất (*Thông tin thương mại Việt Nam*, 2009). Nếu như vào thời điểm trước những năm 2006, giá ngày công lao động là 50.000-60.000đồng, thì đến những năm gần đây, giá ngày công lao động đã tăng lên đến 90.000-120.000đồng (*Công luận*, 2009). Do vậy lợi thế cạnh tranh về giá ngày công lao động rẻ trong ngành cà phê Việt Nam so với các nước khác sẽ giảm xuống. Bên cạnh đó, giá cả vật tư, phân bón, xăng dầu... ngày càng tăng cao sẽ làm cho chi phí sản xuất tăng lên, lợi nhuận thu được từ sản xuất cà phê sẽ ngày một giảm sút (Hoàng Thanh Tiệm, 2010).

*- Sản xuất nhỏ lẻ, phân tán*

Trên 80% diện tích cà phê cả nước do các hộ nông dân trực tiếp quản lý, số diện tích cà phê còn lại thuộc các doanh nghiệp nhà nước quản lý. So với nhiều nước trồng cà phê trên thế giới thì các hộ nông dân trồng cà phê của Việt Nam đều thuộc dạng nhỏ lẻ, diện tích hẹp, trung bình từ 0,5-1ha và mang tính tương đối độc lập. Số hộ gia đình có diện tích lớn trên 5ha và sản xuất dưới hình thức trang trại chiếm một tỷ lệ không đáng kể (Hồ Khánh Thiện, 2008). Do hình thức tổ chức sản xuất dưới dạng hộ gia đình phân tán, nhỏ lẻ và tương đối độc lập nên dẫn đến suất đầu tư/tấn sản phẩm của từng hộ gia đình nói riêng và toàn ngành cà phê nói chung tăng cao do hộ gia đình nào cũng phải tự mua sắm máy bơm, phương tiện vận chuyển, máy xay xát, đầu tư xây dựng sân phơi, kho tàng (Hoàng Thanh Tiệm, 2010).

*- Các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê trong nước đang mất dần lợi thế*

Hiện tại, mối liên kết giữa người sản xuất với các doanh nghiệp thu mua, xuất khẩu cà phê trong nước có rất ít mối liên hệ, ràng buộc chặt chẽ với nhau. Các doanh nghiệp vẫn còn mua bán theo hình thức “có gì mua nấy”, không kiểm soát được chất lượng. Sau khi Việt Nam gia nhập WTO năm 2007, nhiều doanh nghiệp nước ngoài đã từng bước trực tiếp tham gia thu mua sản phẩm cà phê từ các hộ nông dân và các doanh nghiệp sản xuất cà phê trong nước. Bằng cách thông qua các tổ chức cấp chứng chỉ về chất lượng sản phẩm như UTZ Certified, Rein Fruit Alliance, Organic Coffee, 4C v.v..., các doanh nghiệp nước ngoài đã thiết lập mối liên kết trực tiếp với người sản xuất (Hoàng Thanh Tiệm, 2010).

Do được hỗ trợ về mặt kỹ thuật, được đảm bảo cam kết với giá mua cao hơn, nông dân đã dễ dàng chấp thuận tham gia vào các tổ chức này và từ đó các doanh nghiệp nước ngoài sẽ kiểm soát được sản lượng, chất lượng cà phê cũng như chi phí sản xuất thực tế của từng vùng. Với nguồn tài chính dồi dào, đến một lúc nào đó các doanh nghiệp nước ngoài sẽ là người quyết định giá mua cà phê của người nông dân, các doanh nghiệp Việt Nam đang mất dần lợi thế ngay ở thị trường trong nước. Theo Hiệp hội Cà phê-Cao su Việt Nam, 5/10 nhà kinh doanh cà phê nguyên liệu lớn nhất thế giới đã có mặt tại thị trường Việt Nam dưới hình thức liên doanh hoặc độc lập, số cà phê mà họ thu mua chiếm tới 30% tổng sản lượng cà phê của Việt Nam (Đặng Thư, 2010).

### **3. Kết luận**

Ngành cà phê Việt Nam ngày càng có sự đóng góp quan trọng vào sự phát triển ngành nông nghiệp nói riêng cũng như nền kinh tế Việt Nam nói chung với kim ngạch xuất khẩu hàng năm đạt gần 2 tỷ USD. Từ chỗ không có tên trong bản đồ cà phê thế giới, thì trong những năm qua, cà phê Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc. Hiện nay, nước ta đã trở thành nước sản xuất cà phê lớn thứ hai trên thế giới sau Brazil, là nước đứng thứ nhất về

khối lượng xuất khẩu cà phê Robusta. Ngành cà phê Việt Nam ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc chi phối giá cả và thị trường cà phê thế giới. Tuy nhiên, việc duy trì vị thế ấy đang gặp không ít khó khăn do diện tích thu hoạch cà phê trong 5-10 năm tới sẽ giảm gần 50% so với tổng diện tích cà phê hiện nay, vì vậy việc duy trì khối lượng xuất khẩu hơn 1 triệu tấn như hiện nay là rất khó khăn. Việc gia nhập WTO năm 2007 đã mở ra nhiều cơ hội phát triển cho cà phê Việt Nam trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng chất lượng sản phẩm. Nhưng bên cạnh đó, WTO cũng mang lại sự cạnh tranh khốc liệt cho các nhà kinh doanh xuất nhập khẩu cà phê trong nước. Do giá cả vật tư, phân bón cũng như giá công lao động tăng cao nên lợi thế cạnh tranh bằng giá thành sản xuất rẻ của cà phê Việt Nam đang mất dần ưu thế.

Mặc dù ngành cà phê Việt Nam trong những năm qua có sự phát triển với tốc độ cao, tuy nhiên bên cạnh đó còn gặp không ít những thách thức và khó khăn ở phía trước. Chúng ta cần phát huy mạnh lợi thế, thuận lợi và có phương hướng khắc phục khó khăn, thách thức để ngành cà phê Việt Nam có những bước phát triển hơn nữa trong những năm tới.

### N H L vaø caù coäng söi

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo *Công luận*, 2009. "Tây Nguyên khát nhân công thu hoạch". <http://www.baomoi.com/Info/Tay-Nguyen-khat-nhan-cong-thu-hoach-ca-phe/45/3386044.epi>. Ngày truy cập 12/5/2010.
2. Đăng Thư, 2010. "Thị phần cà phê nội sấp vào tay doanh nghiệp ngoại". <http://www.baodatviet.vn/Home/kinhte/Thi-phan-ca-phe-noi-sap-vaò-tay-doanh-nghiep-ngoai/20103/85269.datviet>. Ngày truy cập 7/5/2010.
3. Đức Thu, 2008. "Tiềm năng lớn của cà phê Việt Nam". [http://www.mpi.gov.vn/portal/page/portal/tckt/903605?m\\_action=2&m\\_itemid=14697&m\\_magaid=1212&m\\_category=325](http://www.mpi.gov.vn/portal/page/portal/tckt/903605?m_action=2&m_itemid=14697&m_magaid=1212&m_category=325). Ngày truy cập 27/4/2010.
4. FAOSTAT, 2010. <http://faostat.fao.org/site/567/default.aspx#ancor>. Ngày truy cập 3/2010.
5. MARD, 2010. [http://www.agroviet.gov.vn/Pages/statistic\\_csdl.aspx?TabId=thongke](http://www.agroviet.gov.vn/Pages/statistic_csdl.aspx?TabId=thongke). Ngày truy cập 26/5/2010
6. Hà Yên, 2008. "Cà phê Việt Nam: Chất lượng chạy theo số lượng". [http://niengiamnongnghiep.vn/truongsonfarm/news/item\\_254.html](http://niengiamnongnghiep.vn/truongsonfarm/news/item_254.html). Ngày truy cập 27/4/2010.
7. Hoàng Thanh Tiêm, 2010. "Những thách thức của ngành cà phê trong thời gian tới (kỳ 1, 2)". [http://www.vhđn.vn/index.php?view=article;&catid=&id=2762&format=pdf&option=com\\_content](http://www.vhđn.vn/index.php?view=article;&catid=&id=2762&format=pdf&option=com_content). Ngày truy cập 27/4/2010
8. Hồ Khánh Thiện, 2008. "Cà phê Việt đối mặt với thách thức mới". <http://vneconomy.vn/20080812105448535P0C19/ca-phe-viet-doi-mat-thach-thuc-moi.htm>. Ngày truy cập 27/4/2010.
9. Nguyễn Minh Hiếu, Đinh Xuân Đức, Bùi Xuân Tín, 2006. *Giáo trình cây công nghiệp dài ngày*. Nxb Nông nghiệp, tr. 99.
10. Nguyễn Thịnh, 2009. "Cần xác định hợp lý giá thành sản xuất cà phê". <http://giacaphe.com/2855/can-xac-dinh-hop-ly-gia-thanh-san-xuat-ca-phe.html>. Ngày truy cập 5/2010.
11. Nguyễn Xuân Đức, 2009. "Tác động của chương trình chính sách phát triển kinh tế-xã hội với bảo vệ môi trường ở Tây Nguyên" <http://cema.gov.vn/modules.php?name=Content&op=details&mid=12369>. Ngày truy cập: 12/05/2010



12. Phan Quốc Sùng, 2000. *Vị trí kinh tế của cây cà phê Việt Nam và trên thế giới*. Nxb Nông nghiệp, tr 10.
13. Thanh Châu, 2008. "Cà phê Việt Nam hướng tới mục tiêu xuất khẩu 2 tỷ USD". [http://www.tin247.com/ca\\_phe\\_viet\\_nam\\_huong\\_toi\\_muc\\_tieu\\_xuat\\_khau\\_2\\_ty\\_usd-3-21268645.html](http://www.tin247.com/ca_phe_viet_nam_huong_toi_muc_tieu_xuat_khau_2_ty_usd-3-21268645.html). Ngày truy cập 27/4/2010.
14. Tuyết Yến, 2009. "Tạo đột phá cho ngành cà phê Việt Nam". <http://daklak24h.com/index.php?mod=article&cat=cf&article=353>. Ngày truy cập 27/4/2010.
15. Thông tin thương mại Việt Nam, 2009. "Những thách thức của ngành cà phê trong thời gian tới". <http://chongbanphagia.vn/beta/diemtin/20090108/nhung-thach-thuc-cua-nganh-ca-phe-trong-thoi-gian-toi>. Ngày truy cập 27/4/2010.
16. VNN, 2006. "Vietnam-Indonesia bắt tay giữ giá cà phê". <http://vietbao.vn/Kinh-te/Viet-Nam-Indonesia-bat-tay-giu-gia-ca-phe/65042075/88/>. Ngày truy cập 21/5/2010.
17. VICOFSA, 2009. "Thị phần của cà phê Robusta thế giới tăng". <http://www.vicofsa.org.vn/tinchitiet.aspx?id=98046>. Ngày truy cập 21/5/2010.

### TÓM TẮT

Mục tiêu của bài viết là tìm hiểu và đánh giá quá trình phát triển cũng như những thuận lợi và khó khăn của ngành cà phê Việt Nam trong những năm gần đây và thời gian tới. Bài viết được tiến hành dựa trên sự thu thập các thông tin thứ cấp đã được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, sách, báo và sau đó được tổng hợp, phân tích và xử lý. Kết quả cho thấy rằng, trong những năm qua ngành cà phê Việt Nam đã có bước phát triển vượt bậc. Từ chỗ không có tên trên bản đồ cà phê thế giới, ngày nay Việt Nam đã có hơn 500.000ha diện tích, sản lượng xuất khẩu đạt hơn 1 triệu tấn/năm, kim ngạch xuất khẩu hàng năm đạt gần 2 tỷ USD. Trong những năm gần đây ngành cà phê Việt Nam đã có những thuận lợi nhất định như: sự kiện Việt Nam gia nhập WTO, nhu cầu tiêu thụ và giá cả cà phê trên thế giới tăng cao, có khối lượng xuất khẩu cà phê Robusta lớn nhất thế giới v.v... Những khó khăn như diện tích thu hoạch những năm tới sẽ sụt giảm, sự cạnh tranh khốc liệt của các nhà xuất nhập khẩu quốc tế, giá thành sản xuất tăng lên v.v... là những thách thức không nhỏ trong việc duy trì vị trí và uy tín cà phê Việt Nam trên thế giới. Để duy trì sự phát triển cà phê bền vững trong thời gian tới, chúng ta cần phát huy mạnh những lợi thế, thuận lợi có được và có phương cách khắc phục những khó khăn, bất lợi đối với ngành cà phê.

### ABSTRACT

#### DEVELOPMENT OF VIETNAM COFFEE INDUSTRY IN RECENT YEARS

The objective of research is to evaluate the development process as well as difficulties and advantages of Vietnam coffee industry in recent years. The research is carried out by collecting secondary information from mass media, books and magazines which have been published, and then data were recapitulated, analyzed and processed. The results showed that in recent years, Vietnam's coffee industry has witnessed a boom. As up to 2010, Vietnam has over 500,000ha of coffee plantation, export productivity has reached more than 1 million tons annually, and export turnover has achieved nearly \$2 billion. However, though Vietnam's coffee industry has got some certain advantages after Vietnam joined the WTO and a rise in the world coffee prices, it is now facing with such difficulties as the decline of harvesting area in the coming years, fierce competition among international exporters and importers, etc... Vietnam's coffee industry has to deal with these challenges in order to maintain its position and prestige in the world's coffee industry. However, there are many difficulties and challenges in the future. We need to promote the advantages, find solutions to overcome difficulties to help Vietnam's coffee industry develop more in the future.